

NHỮNG BẤT CẬP TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VIỆT NAM

Nguyễn Thị Bích Đào^(*)

Trong những năm đổi mới, sản xuất nông nghiệp phát triển và tăng trưởng với nhịp độ 4,9%/năm, trong đó, sản xuất lương thực tăng trưởng ổn định góp phần giải quyết vững chắc lương thực quốc gia. Cùng với sản xuất lương thực, ngành nông nghiệp từng bước đa canh hoá, đa dạng hoá sản phẩm, tăng tích lũy nội bộ ngành, góp phần tăng trưởng kinh tế ở nông thôn. Cơ cấu kinh tế thuần nông từng bước được khắc phục, cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá bước đầu hình thành; công nghiệp và dịch vụ nông thôn từng bước phát triển, tạo thêm việc làm ở khu vực nông thôn, thu hút một phần lao động dư thừa, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, chủ yếu là nông dân.

Tuy nhiên, trong nông thôn hiện nay cơ cấu kinh tế ở nhiều nơi vẫn mang nặng tính chất thuần nông, xét trên cả ba chỉ tiêu chủ yếu: Cơ cấu lao động, thu nhập và thu từ sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Thực trạng này không những bất cập so với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết TW 5 Khoá VII mà còn lạc hậu so với tinh thần Nghị quyết 09/2000/NQ-CP của Chính phủ về một số chủ trương và

chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Hiện nay cơ cấu kinh tế nông thôn Việt Nam không những chuyển dịch chậm, mà còn không đều giữa các vùng và các địa phương. Trong khi vùng Đông Nam bộ có cơ cấu ngành nghề của các hộ nông thôn khá tiến bộ: 64% nông nghiệp và 36% phi nông nghiệp; ở các vùng khác cơ cấu ngành nghề của hộ vẫn mang nặng tính thuần nông và chuyển dịch rất chậm, nhất là vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Hai tỷ lệ tương ứng của vùng Tây Bắc là 93,0% và 7%, vùng Đông Bắc là 88,4% và 11,6%, vùng Tây Nguyên là 91,1% và 8,9%, vùng Bắc Trung bộ là 82% và 18%, vùng đồng bằng sông Hồng là 78% và 21,9% và đồng bằng sông Cửu Long là 78,8% và 21,2%. Nếu so với năm 1994, cơ cấu ngành nghề hộ nông thôn của ba vùng miền núi Bắc bộ và Tây Nguyên không thể hiện xu hướng chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong lao động nông thôn. Hai vùng trọng điểm nông nghiệp hàng hoá là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long tuy có lợi thế gần các trung tâm công nghệ và dịch vụ lớn, nhưng

^(*) Th.S., Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn cũng rất chậm và không đều. Tính chất không đều về cơ cấu kinh tế không chỉ thể hiện giữa các vùng trong nước, mà còn bộc lộ rõ nét giữa các tỉnh trong một vùng, các huyện trong một tỉnh. Vùng Đông Nam bộ có cơ cấu kinh tế nông thôn theo ngành tiến bộ nhất cả nước, tuy chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhưng tính đồng đều vẫn còn thấp. Cùng một tỉnh Sông Bé (cũ) tách ra, nhưng cơ cấu hộ nông thôn theo hai nhóm ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp của tỉnh Bình Dương năm 2001 là 51% và 49%, trong khi đó tỉnh Bình Phước là 87,2% và 12,8%. Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, nơi có nhiều thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp, dịch vụ và tập trung nhiều làng nghề truyền thống ở nông thôn, song cơ cấu kinh tế nông thôn vẫn còn nhiều bất cập: 78% số hộ và lao động nông thôn là thuần nông, chỉ có 22,0% làm các ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp. Đáng chú ý là độ đồng đều về cơ cấu lao động nông thôn thấp. Tỷ lệ hộ và lao động nông nghiệp ở Nam Định là 83,5%, Hải Dương là 88,7% trong khi ở Hà Tây là 70,5%. Ở các vùng miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ và Tây Nguyên, tính chất thuần nông còn rất nặng nề và chuyển biến rất chậm theo hướng sản xuất

nông nghiệp hàng hoá. Thực trạng này biểu hiện rõ nhất ở các tỉnh, các huyện vùng núi cao. Cho đến năm 2001, tỷ lệ hộ và lao động tiểu thủ công nghiệp vùng Tây Bắc chỉ có 0,5%, (Sơn La 0,2%, Lai Châu 0,3%), Tây Nguyên 0,8%, Đắc Lắc 0,5%, Gia Lai 0,3%). Nhiều huyện miền núi cao hầu như chưa có khái niệm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Ở Nghệ An, tỷ lệ hộ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở huyện Quế Phong mới chỉ có 0,06%, huyện Kỳ Sơn 0,07%; tỉ lệ hộ dịch vụ của 2 huyện tương ứng là 0,93% và 0,39%. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở những huyện miền núi cao theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn quá nhiều bất cập, nhiều nơi còn dậm chân tại chỗ, chưa có lối ra.

Do cơ cấu ngành nghề ở nông thôn mang nặng tính thuần nông cho nên lao động dư thừa lại tập trung vào ngành nông nghiệp, nhất là vùng đồng bằng ven biển và vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Khu vực công nghiệp và dịch vụ nông thôn cả nước chưa tạo được chỗ làm để thu hút nhiều lao động dư thừa từ nông nghiệp. Đó là sự bất cập lớn nhất, hạn chế tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn nước ta hiện nay, thể hiện trong ba nhóm ngành chủ yếu sau đây.

Cơ cấu nông thôn theo 3 nhóm ngành chủ yếu (1994 và 2001)

(Đơn vị tính:%)

	Nông nghiệp		Công nghiệp		Dịch vụ	
	1994	2001	1994	2001	1994	2001
Cả nước	94,0	83,9	1,61	5,5	4,39	10,6
Vùng Đông Bắc	97,1	88,4	1,4	4,3	1,5	7,3
Vùng Tây Bắc		93,0		2,5		4,5
Đồng bằng sông Hồng	96,1	83,0	2,1	7,4	1,8	9,6
Bắc Trung bộ	95,6	88,6	1,60	3,6	2,8	7,8
Nam Trung bộ	92,28	85,2	1,83	5,0	5,89	9,8
Tây Nguyên	94,63	92,9	0,81	1,2	4,56	5,9
Đông Nam bộ	83,4	67,2	4,28	12,6	12,32	20,2
Đồng bằng sông Cửu Long	92,43	81,5	1,15	5,0	6,42	13,5

Nguồn: Tổng cục thống kê

Mặc dù Nghị quyết TW 5 Khoá VII năm 1993, Nghị quyết Đại hội VIII, Nghị quyết số 32/2000/TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ đã khuyến khích phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn nhằm tạo tiền đề cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở khu vực này. Nhưng cho đến nay, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả hai khu vực này, khả năng tiếp cận thị trường còn hạn chế. Các cơ sở sản xuất và dịch vụ ở nông thôn do vừa thiếu thông tin vừa ít có cơ hội tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, cho nên sản phẩm làm ra không hợp với thị hiếu người tiêu dùng cả về chủng loại, chất lượng, giá cả. Trình độ văn hoá, chuyên môn kỹ thuật và năng lực quản lý của chủ hộ và cơ sở còn thấp, phần lớn chỉ dựa vào kinh nghiệm truyền thống, chưa bắt kịp được kiến thức hiện đại về quản lý và kỹ thuật. Phần lớn lao động chưa qua trường lớp đào tạo chính

quy, mà chủ yếu qua phương thức vừa học vừa làm. Cơ sở hạ tầng và máy móc, trang thiết bị yếu kém, không đồng bộ và lạc hậu so với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mặt bằng (nhà xưởng) sản xuất chật hẹp; quy mô nhỏ, phân tán, tổ chức sản xuất tự phát, phân công và hợp tác sản xuất, dịch vụ mang nặng tính gia đình, dòng họ. Do thiếu vốn và công nghiệp lạc hậu cho nên không có khả năng đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm. Cơ chế và chính sách của Nhà nước chưa đồng bộ, chưa có cơ quan Nhà nước chịu trách nhiệm chủ yếu về phát triển công nghiệp và dịch vụ nông thôn. Những bất cập và yếu kém trên đây kéo dài nhiều năm và đó cũng là nguyên nhân vì sao không đạt được mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn do Hội nghị TW 5 Khoá IX đề ra (50% nông nghiệp, 25% công nghiệp và 25% dịch vụ).

Cơ cấu GDP khu vực nông, lâm, thủy sản (2000-2002)

(Giá thực tế)

Chỉ tiêu GDP	2000		2001		2002	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%
GDP Nông nghiệp	87.537	80,8	91.678	80,4	96.428	78,3
GDP Lâm nghiệp	5.737	5,5	6.080	5,3	6.500	5,2
GDP Thủy sản	16.906	13,7	16.645	14,3	20.340	16,5
Tổng GDP sản xuất nông nghiệp	108.356	100	114.412	100	123.268	100

Nguồn : Tổng cục thống kê

Qua số liệu trong bảng nhận thấy nông nghiệp và lâm nghiệp tỷ trọng có phần giảm xuống, trong đó tỷ trọng thủy sản được tăng lên. Sự bất cập về cơ cấu kinh tế khu vực nông, lâm và thủy sản không chỉ thể hiện ở cơ cấu GDP mà còn thể hiện ở các chỉ tiêu kinh tế khác: như cơ cấu tổng thu của hộ mang tính thuần nông, tỷ trọng hộ có thu nhập từ nông nghiệp là 79,9%, từ lâm nghiệp là 4,8% và từ thủy sản chiếm 15,3%. Theo số liệu điều tra năm, Việt Nam có 10,9 triệu ha đất rừng (trong đó 9,4 triệu ha rừng tự nhiên và 1,5 triệu ha rừng trồng), chiếm 60% tổng diện tích đất nông, lâm nghiệp mà chỉ tạo ra 1% GDP, điều đó biểu hiện sự bất cập trong cơ cấu sản xuất của khu vực này. Còn thủy sản là ngành có nhiều lợi thế về cả yếu tố đầu vào và đầu ra được Nhà nước đầu tư trong nhiều dự án, nhưng vẫn tồn tại những bất cập, bộc lộ khá rõ nét về quy mô, tốc độ và cơ cấu sản xuất của ngành. Trong hoạt động nuôi trồng thủy sản có xu hướng mở rộng diện tích nuôi tôm, thu hẹp diện tích nuôi cá; cho nên sản lượng nuôi tôm tăng

nhANH từ 11,7% (1996) lên 21,8% (2001) còn sản lượng cá giảm từ 60,5% xuống còn 59,3%. Sự thay đổi cơ cấu đã làm tăng chi phí đầu vào của hoạt động nuôi trồng thủy sản, bởi vì chi phí cho 1 ha nuôi tôm cao hơn nhiều so với nuôi cá. Việc mở rộng diện tích nuôi tôm do chuyển một phần đất lúa năng suất thấp sang nuôi tôm là hợp lý, song do sự chuyển dịch tự phát không theo quy hoạch, thiếu đồng bộ, dẫn đến tình trạng chi phí bỏ ra nhiều mà kết quả thu được không tương xứng. Đến nay, cơ cấu giữa các tiểu ngành cũng có những bất cập: như chuyển dịch chậm so với yêu cầu và khả năng.

Trong thời kỳ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất giữa hai ngành này là tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và giảm tỷ trọng ngành trồng trọt nhằm đưa chăn nuôi lên ngành chính nhưng trên thực tế so với mục tiêu đề ra, trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi vẫn là ngành phụ, tỷ trọng đạt mức dưới 20%. Sự bất cập này có thể nhận thấy qua bảng sau:

Cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp (2000-2002)

(Đơn vị tính %)

Năm	Tổng số	Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
2000	100	79,20	18,50	2,30
2001	100	78,19	19,33	2,48
2002	100	77,80	19,50	2,70

Nguồn: Tổng cục thống kê

Thực trạng này là do phương thức chăn nuôi tự cung, tự cấp, quy mô nhỏ theo hộ gia đình và phân tán, kỹ thuật lạc hậu. Những năm gần đây, chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, quy mô lớn đã bắt đầu hình thành theo mô hình trang trại ở một số nơi nhưng còn ít và chưa đều. Tính đến tháng 12/2002, cả nước có khoảng hơn 1762 trang trại chăn nuôi. Sản phẩm chăn nuôi do trang trại sản xuất hàng năm chiếm chưa đến 10% tổng sản phẩm toàn ngành, 90% còn lại do các hộ nông dân cung cấp theo phương thức chăn nuôi

truyền thống, tận dụng sản phẩm phụ của trồng trọt, lấy công làm lãi. Do vậy chất lượng và chủng loại sản phẩm của chăn nuôi chưa đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Đối với ngành trồng trọt, những năm gần đây cơ cấu sản xuất giữa các nhóm cây trồng tuy đã có tiến bộ, biểu hiện ở sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nhưng vẫn còn một số bất cập: tỷ trọng nhóm cây lương thực vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu ngành trồng trọt, còn các nhóm cây trồng khác tuy có tăng nhưng tốc độ còn chậm...

Cơ cấu giá trị sản xuất thuộc ngành trồng trọt (2000-2002)

(Đơn vị tính %)

Năm	Tổng	Cây lương thực	Cây rau	Cây công nghiệp	Cây ăn quả
2000	100	61,3	7,3	24,2	7,2
2001	100	59,6	7,8	25,2	7,4
2002	100	58,5	8,3	25,4	7,8

Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong những năm đổi mới với chủ trương đa dạng hóa cây trồng theo hướng giảm dần diện tích cây lương thực, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia nhưng xu hướng độc canh cây lúa vẫn còn nặng nề ở các địa phương. Nguyên nhân có nhiều, song về cơ bản là do thừa lao động, sợ rủi

ro, trình độ nhận thức về đổi mới theo xu thế phát triển của xã hội còn nhiều hạn chế: trong nhóm cây lương thực còn tồn tại sự mất cân đối, thiếu quy hoạch giữa ngũ cốc và màu dẫn đến tình trạng phải nhập ngô hạt và ngô bột vào năm 2002, gây ra những lãng phí không đáng có. Trong khi

cà phê bị rớt giá, nông dân ở nhiều vùng đã phá bỏ vườn cà phê kém hiệu quả để trồng ngô lai. Sự chuyển đổi tự phát trên phạm vi rộng đã gây ra những khó khăn lớn về thị trường và phương thức tiêu thụ sản phẩm.

Rau, quả là thế mạnh của nông nghiệp Việt Nam, nhưng trong những năm qua vẫn chưa được khai thác một cách hợp lý. Rau, quả xuất khẩu tăng chậm và không ổn định do chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Nhược điểm lớn nhất trong sản xuất rau, quả là phân tán, tự phát, quy mô nhỏ (theo hộ gia đình). Thị trường tiêu thụ mang tính chất truyền thống, lấy chợ nông thôn và thành thị làm nơi tiêu thụ chủ yếu. Xu hướng sản xuất theo phong trào, chuyển dịch cơ cấu cây trồng tự phát, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, thiếu quy hoạch tổng thể, cho nên thường xuyên diễn ra tình trạng được mùa, mất giá; sản phẩm dư thừa không nơi tiêu thụ, làm ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của hàng triệu hộ nông dân. Đó chính là nguyên nhân làm cho tốc độ chuyển dịch cơ cấu sản xuất của ngành trồng trọt chậm. Cây công nghiệp tuy có tăng nhanh nhưng lại diễn ra một cách tự phát, một số sản phẩm cung vượt cầu (cà phê, cao su, điều, hạt tiêu, chè); một số sản phẩm cung thấp hơn cầu (bông, dâu tằm, mía) việc tổ chức sản xuất, định hướng quy hoạch và kế hoạch đầu tư vẫn chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến tình trạng phải nhập khẩu bông, sợi, trong khi tiềm lực sản xuất còn lớn nhưng không được khai thác hợp lý, hiệu quả kinh tế thấp.

Đủ với cây công nghiệp ngắn ngày (lạc, đỗ tương, thuốc lá, đay, cói...) thì sản xuất

luôn trong tình trạng không ổn định. Một số cây trồng giảm diện tích và sản lượng liên tục như đay, cói, trong khi nhu cầu cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến từ các sản phẩm này vẫn tăng do sự phát triển của công nghiệp bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Còn cây lạc và đỗ tương tuy tăng về diện tích và sản lượng, nhưng tốc độ tăng chậm so với nhu cầu.

Nhìn chung những hạn chế trong sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng của ngành trồng trọt do nhiều tác nhân, nhưng xét một cách tổng thể chủ yếu là sản xuất không xuất phát từ điều tra thị trường, thiếu quy hoạch vùng chuyên canh, thâm canh phù hợp; sản xuất còn manh mún, quy mô nhỏ (theo hộ), khó ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch cho nông dân.

Để khắc phục những bất cập trên cần có những giải pháp quyết định như: Quy hoạch, tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn theo quy mô lớn gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và thị trường có tính đến đặc điểm và lợi thế của mỗi vùng; phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế trong khu vực nông thôn; nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ mới cho sản xuất nông nghiệp; quan tâm phát triển nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn; tăng cường thực hiện mối liên kết "bốn nhà" để tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân; thực hiện các chính sách kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn một cách triệt để nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao.

PROBLEMS IN TRANSITION OF ECONOMIC STRUCTURE OF VIET NAM AGRICULTURE AND RURAL AREA

MA. Nguyen Thi Bich Dao

Faculty of Economics, Vietnam National University, Hanoi

Transition of economic structure of agriculture and rural area is one of the basic contents of renovation of agriculture and rural economy. Firstly, it is the result of removing old institution, promoting all potential and resources necessary for development of all aspects of production and services. Secondly, it is motivation for development of production force to create new labor assignment which is foundation for industrialization and development of market economy in this sector. Thirdly, it is the key way to create new jobs in rural area to help farmers escape from old institution and enrich themselves by working in nonagricultural occupations.

In addition to those achievements, there are many problems in economic structure which has: Agricultural economic structure still focuses on agriculture; Transition of agriculture, forestry and fishery is sluggish and quite different and regions; Agricultural production focuses on single crop and is self - subsidy and small. Therefore solutions to overcome those problems are to well bring about motivation and material foundation for transition of economic structure of agriculture and rural area in the direction industrialization and modernization.